

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 28 tháng 10 năm 2020

V/v *Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phùng Thị Kim Nguyên

- Các hội thẩm nhân dân : 1. Bà: Nguyễn Thị Minh Thu

2. Bà: Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/ TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc: “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 66/2020/TB - TA ngày 14/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Xuân N**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu 4, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị Đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu 8, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Lê Xuân N trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L ngày 21/01/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Đô (nay là xã Lam Sơn), huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại khu 4, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống vợ chồng hạnh

phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung. Chị Lệ đã về nhà bố, mẹ đẻ ở và đi làm ăn từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay anh Nghị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên anh xin được ly hôn chị Lệ.

Về con chung: Anh Nghị xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 20/11/2014. Khi ly hôn anh Nghị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Lệ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung thành niên. Vì từ năm 2016 vợ chồng anh sống ly thân thì cháu Nam ở với chị Lệ từ đó cho đến nay, cuộc sống của cháu đang ổn định.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh Nghị xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn chị Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đồng thời lấy lời khai của bà Phạm Thị Ngân (là mẹ đẻ chị Lệ) và biên bản xác minh thể hiện chị Lệ có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 /8/2020 bà Phạm Thị Ngân trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Lệ. Theo bà, anh Nghị và chị Lệ không phải là vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/01/2015 giữa anh Lê Xuân N và chị Nguyễn Thị L là giấy đăng ký kết hôn giả, nên con bà (tức chị Lệ) không phải làm thủ tục ly hôn với anh Nghị. Sau khi trao đổi trên điện thoại với chị Lệ thì chị Lệ cũng thống nhất với quan điểm của bà. Bà Ngân cũng cung cấp thêm, chị Lệ có hộ khẩu thường trú tại Khu 8 xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ; khoảng năm 2013, chị Lệ và anh Nghị đi làm ăn thì quen biết và yêu thương nhau nên anh chị đã chung sống và có 01 con chung. Nay anh Nghị xin ly hôn chị Lệ thì quan điểm của chị Lệ cũng như quan điểm của bà Ngân là hoàn toàn nhất trí vì chị Lệ không còn liên quan gì đến anh Nghị từ năm 2016 đến nay, chị Lệ và anh Nghị không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh Nghị làm đơn ly hôn chị Lệ, Tòa án đã thông báo và gửi các văn bản tố tụng cho chị Lệ đến Tòa án làm việc bà Ngân đã nhận được đầy đủ và thông báo cho chị Lệ, nhưng chị Lệ đang làm ăn ở xa không đến Tòa án làm việc được. Nên bà chỉ nhận các văn bản tố tụng của tòa án và thông báo cho chị Lệ biết còn bà không ký bất cứ một biên bản giao nhận nào ngoài biên bản lấy lời khai của bà. Vì vậy tòa án phải làm thủ tục niêm yết tất cả các văn bản tố tụng cho chị lệ tại khu 8 và trụ sở UBND xã Quang Húc theo quy định của pháp luật.

Về con Chung: Anh Nghị và chị Lệ có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 20/11/2014. Cháu Nam đang ở cùng với bà và chị Lệ từ khi còn nhỏ cho đến nay. Khi ly hôn, chị Lệ và bà xin được trực tiếp nuôi con chung của anh Nghị và chị Lệ. Nếu được nuôi con chị Lệ không yêu cầu anh Nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh Nghị và chị Lệ không có.

4. Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Lam Sơn ngày 09/9/2020 thấy rằng anh Nghị và chị Lệ là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2015, tại UBND xã Hùng Đô (nay là xã Lam Sơn), huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tại quyền số 1/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 01) theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh Nghị và chị Lệ có về chung sống cùng gia đình anh Nghị tại khu 4, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nên chị Lệ đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay không quay về địa phương nữa, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh Nghị làm đơn xin ly hôn chị Lệ thì quan điểm của địa phương là trường hợp vợ chồng anh Nghị và chị Lệ đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, ly thân từ năm 2016 đến nay khó có thể hàn gắn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nghị được ly hôn chị Lệ.

Về con chung: Anh Nghị và chị Lệ có 01 con chung là Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 20/11/2014. Từ khi còn nhỏ cho đến nay, cháu Nam vẫn ở với chị Lệ, anh Nghị thì đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương. Nếu anh chị ly hôn, theo địa phương, Tòa án nên giao con chung cho chị Lệ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Do chị Lệ vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của chị Lệ và cũng không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật được.

Ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã mở phiên tòa xét xử nhưng chị Lệ vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Lê Xuân N xin được xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lệ tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228, khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử: Cho anh Lê Xuân N được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 20/11/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê vì chị Lê tự nguyện không yêu cầu. Anh Nghị có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, cho vay: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Xuân N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa anh Lê Xuân N và chị Nguyễn Thị L. Bị đơn chị Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã Quan Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Xuân N có đơn xin được xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Căn cứ khoản 2, Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh Nghị và chị Lê.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Nghị và chị Lê là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã Hùng Đô (nay là xã Lam Sơn), huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 21/1/2015. Xét tình cảm vợ chồng giữa anh Nghị và chị Lê là tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã bị rạn nứt, anh Nghị cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị Lê đã về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2016, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh Nghị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn chị Lê. Tòa án đã báo gọi nhiều lần, chị Lê có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nghị nhưng chị không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 /8/2020 bà Phạm Thị Ngân trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Lệ. Theo bà, anh Nghị và chị Lệ không phải là vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/01/2015 giữa anh Lê Xuân N và chị Nguyễn Thị L là giấy đăng ký kết hôn giả, nên con tôi (tức chị Lệ) không phải làm thủ tục ly hôn với anh Nghị. Bà Ngân cũng cung cấp thêm, chị Lệ có hộ khẩu thường trú tại Khu 8 xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ; khoảng năm 2013, chị Lệ và anh Nghị đi làm ăn thì quen biết và yêu thương nhau nên anh chị đã chung sống và có 01 con chung. Nay anh Nghị xin ly hôn chị Lệ thì quan điểm của chị Lệ cũng như quan điểm của bà Ngân là hoàn toàn nhất trí vì chị Lệ không còn liên quan gì đến anh Nghị từ năm 2016 đến nay, chị Lệ và anh Nghị không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh Nghị làm đơn ly hôn chị Lệ, Tòa án đã thông báo và gửi các văn bản tố tụng cho chị Lệ đến Tòa án làm việc thì bà Ngân đã nhận được đầy đủ và thông báo cho chị Lệ, nhưng chị Lệ đang làm ăn xa nên không đến Tòa án làm việc được. Nên bà đã nhận các văn bản tố tụng của tòa án và thông báo cho chị Lệ biết còn bà không ký bất cứ một biên bản giao nhận nào ngoài biên bản lấy lời khai của bà. Vì vậy tòa án phải làm thủ tục niêm yết tất cả các văn bản tố tụng cho chị Lệ tại khu 8 và trụ sở UBND xã Quang Húc theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2020 Tòa án tiến hành xác minh tại ủy ban nhân dân xã Lam Sơn thấy rằng anh Nghị và chị Lệ là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2015, tại UBND xã Hùng Đô (nay là xã Lam Sơn), huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tại quyển số 1/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 01) theo đúng quy định của pháp luật và xác nhận chữ ký và chữ viết trong giấy chứng nhận kết hôn đúng là chữ ký và chữ viết của anh Nghị và chị Lệ. Sau khi kết hôn, anh Nghị và chị Lệ có về chung sống cùng gia đình anh Nghị tại khu 4, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nên chị Lệ đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay không quay về địa phương nữa, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh Nghị làm đơn xin ly hôn chị Lệ thì quan điểm của địa phương là trường hợp vợ chồng anh Nghị và chị Lệ đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, ly thân từ năm 2016 đến nay khó có thể hàn gắn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nghị được ly hôn chị Lệ. Vì vậy cần xử cho anh Nghị được ly hôn chị Lệ là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét thấy anh Nghị và chị Lệ có 01 con chung là Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 20/11/2014. Từ khi còn nhỏ cho đến nay, cháu Nam vẫn ở với chị Lệ, anh Nghị đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương. Khi ly hôn anh Nghị cũng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Lệ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung thành niên. Vì từ năm 2016 vợ chồng anh sống ly thân thì cháu Nam ở với chị Lệ từ đó cho đến nay,

cuộc sống của cháu đang ổn định. Vì vậy cần giao con chung là cháu Nam cho chị Lệ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nghị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Lệ vì chị Lệ tự nguyện không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nghị phải chịu theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho anh Lê Xuân N được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung:

Giao con chung là Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 20/11/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lệ vì chị Lệ tự nguyện không yêu cầu. Anh Nghị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:

Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm :

Anh Lê Xuân N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Nghị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002609 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Lam Sơn;
- Lưu HS – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Kim Nguyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phùng Thị Kim Nguyên

Các hội thẩm nhân dân : 1, Bà Nguyễn Thị Thọ

2, Bà Nguyễn Thị Minh Thu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 66/2020/ TLST - HNGĐ
ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc: “Hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lê Xuân N**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu 4, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bị Đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu 8, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58,

Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3

II. Về nội dung:

Xử:

3. Về quan hệ hôn nhân:

Cho anh Lê Xuân N được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

4. Về con chung:

Giao con chung là Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 20/11/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê vì chị Lê tự nguyện không yêu cầu. Anh Nghị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:

Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Biểu quyết: 3/3=100%

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm :

Anh Lê Xuân N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Nghị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002609 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Biểu quyết: 3/3=100%

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phùng Thị Kim Nguyên

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA